

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 156/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các
xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La
giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030,
tầm nhìn 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I
thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông
thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó
khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 272/BC-DT ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ban Dân
tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Đề án Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các huyện, TP;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III
và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn
2022 - 2025, định hướng đến năm 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019.

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

- Luật Thú y năm 2015.

- Luật Chăn nuôi năm 2018.

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

- Kết luận số 703-KL/TU ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển dịch rõ rệt, dần khẳng định là hướng đi hiệu quả, góp phần tạo công ăn việc làm, thu nhập, đảm bảo sinh kế, mang lại giá trị kinh tế cao cho nhiều hộ dân. Bước đầu đã hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, các trang trại, gia trại quy mô lớn. Nhiều tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới đã được áp dụng trong công tác chọn giống, lai tạo giống, chăm sóc, nuôi dưỡng nâng cao năng suất, chất lượng đàn đại gia súc của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả và gia tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi. Năm 2021, Đàn trâu: 118.102 con; Đàn bò thịt: 345.018 con chủ yếu tập trung ở các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, chiếm trên 80% tổng đàn đại gia súc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Địa bàn triển khai rộng, địa hình đồi núi phức tạp, giao thông đi lại khó khăn; tình hình thời tiết, khí hậu các năm gần đây có nhiều diễn biến phức tạp rét đậm, rét hại kéo dài, tập quán chăn nuôi thả rông không có chuồng trại đã làm chết nhiều gia súc; khả năng nhân rộng các chương trình, dự án chăn nuôi đại gia súc còn nhiều hạn chế do thói quen sản xuất chăn nuôi theo tập quán cũ và có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học mới vào chăn nuôi; một số hộ chăn nuôi đại gia súc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa tự giác đầu tư thâm canh chăn nuôi đại gia súc; đa số các hộ chăn nuôi kinh tế còn gặp nhiều khó khăn; chăn nuôi chủ yếu với quy mô nhỏ, phân tán mang tính tận dụng, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng, chưa mang lại hiệu quả bền vững; số lượng trang trại chăn

nuôi đại gia súc chưa nhiều; việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế, chủ yếu mới ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc; sản phẩm sản xuất ra chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường, tiêu thụ có thời điểm còn gặp khó khăn; phần lớn các chủ trang trại chăn nuôi đại gia súc chưa qua trường lớp đào tạo cơ bản, việc tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu dựa vào kinh nghiệm.

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi trong những năm qua tăng mạnh do biến động gia tăng dân số, đời sống người dân ngày càng nâng cao, lượng khách du lịch hàng năm tăng cũng góp phần quan trọng trong việc tiêu thụ các sản phẩm thịt gia súc. Trong mối quan hệ liên vùng, thực tế đã cho thấy, hàng năm sản lượng đại gia súc thịt của tỉnh cung cấp cho thị trường của các tỉnh vùng Trung du miền núi và bắc bộ, cũng như vùng đồng bằng sông Hồng tăng qua các năm.

Khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại khu vực và quốc tế thì sản xuất nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng sẽ phải chịu áp lực do các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc giá rẻ từ các nước trong khu vực và thế giới cạnh tranh với các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc của tỉnh; cũng là cơ hội để đưa các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc của tỉnh vào được các siêu thị, nhà hàng và xuất khẩu đi các nước trên thế giới.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, việc ban hành Đề án Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết, nhằm khai thác thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hàng hóa; đưa tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, cung cấp đủ nhu cầu thực phẩm an toàn cho tiêu dùng trong tỉnh và tiến tới xuất khẩu, giải quyết việc làm và tạo nguồn thu đáng kể cho các hộ gia đình ở nông thôn, đảm bảo cho ngành chăn nuôi đại gia súc phát triển bền vững.

Phần II

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC TẠI CÁC XÃ VÙNG III VÀ BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương về phát triển chăn nuôi đại gia súc nói riêng, trong đó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; ban hành cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi tốt, ứng dụng công nghệ cao vào một số khâu sản xuất như: Phôi giống nhân tạo cho bò cái có kết quả bằng tinh của giống bò chất lượng cao; Ứng dụng hệ thống chuồng kín, công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi (công nghệ khí sinh học, chế phẩm sinh học...). Ban hành Nghị

quyết số 08-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Kết luận số 440-KL/TU ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị đánh giá 01 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La, trong đó có chính sách phát triển chăn nuôi đại gia súc tạo động lực cho người chăn nuôi phát triển sản xuất hàng hoá nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

3. UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo UBND các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện chương trình phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh như: Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án phát triển chăn nuôi bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 757/UBND-KT ngày 08 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 440-KL/TU ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Các Huyện ủy, Thành ủy; UBND các cấp, các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện chủ trương phát triển chăn nuôi.

II. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC

1. Thực trạng phát triển chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn toàn tỉnh

1.1. Tình hình sản xuất, cung ứng giống vật nuôi

- Đối với chăn nuôi bò sữa: Hiện nay, có 01 cơ sở sản xuất giống bò sữa của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu. Đàn bò sữa của tỉnh Sơn La chủ yếu là giống HF thuần chủng, được sử dụng 100% tinh bò nhập ngoại để thụ tinh nhân tạo, trong đó có sử dụng tinh phân định giới tính để tăng tỷ lệ bê cái, nhằm tăng nhanh

đàn bò sữa. Hiện nay, Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có 03 Trung tâm giống, quy mô khoảng 1.000 con/trung tâm với giống bò sữa Holstein Frisian. Con giống phục vụ nhu cầu giống bò sữa của công ty, không cung ứng ra thị trường.

- Đối với chăn nuôi bò thịt, hiện nay giống bò trên địa bàn tỉnh hầu hết giống bò địa phương, con giống chủ yếu tự cung tự cấp; bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh còn một số giống Bò Shin, bò lai Zebu, BBB ... ngoài ra tỉnh nhập bò giống một số tỉnh khác vào địa bàn tỉnh, tuy nhiên tỷ lệ nhập thấp.

- Đối với chăn nuôi trâu: Hiện nay trên địa bàn tỉnh giống trâu là giống địa phương, con giống tự cung tự cấp.

1.2. Tổng đàn, cơ cấu đàn và sản phẩm chăn nuôi đại gia súc

- Đàn trâu: Năm 2021, số lượng 118.102 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 5.104 tấn; So với cùng kỳ năm trước tổng đàn giảm 5,02 % (6.236 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 0,77% (39 tấn). Đàn trâu có xu hướng là giảm mạnh do chuyển dịch cơ cấu cây trồng diện tích cây lâu năm tăng nhanh, đồng thời diện tích cây hàng năm giảm, tăng cường cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp ngày càng phổ biến, dẫn đến nhu cầu sử dụng sức kéo giảm. Mặt khác bãi chăn thả ngày càng thu hẹp, hiệu quả kinh tế từ việc chăn nuôi trâu thấp nên các hộ chuyển dần sang nghề khác hoặc chăn nuôi bò.

- Đàn bò: Năm 2021, số lượng 373.276 con, trong đó: Đàn bò thịt: 345.018 con, đàn bò sữa: 28.258 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6.254 tấn, sản lượng sữa tươi 97.704 tấn. So với cùng kỳ năm trước tổng đàn tăng 4,29% (15.354 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 3,12 % (189 tấn), sản lượng sữa tươi tăng 14,5 % (12.370 tấn) do đàn bò cái cho vắt sữa tăng cao. Đàn bò phát triển khá do được hỗ trợ vốn, kỹ thuật chăn nuôi và có thị trường tiêu thụ tốt, hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó các hộ dân được hỗ trợ bò sinh sản để xóa đói, giảm nghèo từ các chương trình như: Chương trình 30a; chương trình quốc gia nông thôn mới; chương trình dự án giảm nghèo hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và hộ gia đình chính sách.

1.3. Thức ăn chăn nuôi

- Thức ăn tự nhiên: Trên địa bàn tỉnh Sơn La diện tích cỏ chăn nuôi năm 2021 đạt 10.242 ha, sản lượng 337.270 tấn; so với năm 2020 diện tích cỏ trồng tăng 15,74% (1.393 ha), sản lượng tăng 14,7% so với năm 2020 (43 tấn), giống cỏ trồng cỏ voi. Ngô sinh khối 3.321 ha, sản lượng 119.160 tấn, so với năm 2020 diện tích gieo trồng ngô sinh khối tăng 7,93% (244 ha) sản lượng tăng 6,22% (6.970 tấn). Mỳ mạch làm thức ăn chăn nuôi diện tích 16 ha, sản lượng 403 tấn, cỏ nhung 87 ha, sản lượng 1.349 tấn; So với năm 2020, diện tích trồng Mỳ mạch tăng 9 ha, sản lượng tăng 225 tấn. Ngoài ra còn sử dụng nguồn thức ăn từ trồng trọt như: Củ quả (sắn, bí và rau xanh các loại...); các phụ phẩm ngọn cây mía, cây ngô...

- Thức ăn chăn nuôi công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có nhà máy chế biến thức ăn tinh cung cấp ra thị trường, thức ăn chăn nuôi công nghiệp được nhập từ các tỉnh; Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có 01 nhà máy chế

biến thức ăn chăn nuôi hỗn hợp TMR phục vụ chăn nuôi bò sữa của công ty, không bán ra ngoài thị trường.

1.4. Chương trình, chính sách về chăn nuôi

Năm 2020 - 2021 hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc chủ yếu từ thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn trung ương như Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (Chương trình 30a, Chương trình 135); Chương trình Di dân tái định cư thủy điện Sơn La... Ngân sách tỉnh tập trung hỗ trợ cải tạo giống gia súc thông qua Chương trình truyền tinh nhân tạo bò, hỗ trợ vắc xin để phòng trừ dịch bệnh, hỗ trợ xây dựng các mô hình khuyến nông, chăn nuôi. Cụ thể như sau:

- Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố đã thực hiện các chính sách hỗ trợ chăn nuôi đại gia súc với tổng số con giống 3.124 con (bò cái 3.023 con, bò đực 65 con, trâu cái 36 con), số tiền 34.835 triệu đồng; hỗ trợ chuồng trại 299 triệu đồng, từ các Chương trình 135, Chương trình 30a, Chương trình nông thôn mới....

- Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ công tác phòng dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ công tác phòng dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết đã hỗ trợ các loại bệnh ở trâu, bò: Lở mồm long móng, Nhiệt thán, Ung khí thán, Tụ huyết trùng. Kinh phí thực hiện chính sách năm 2020 - 2021: 22.416.074.000 đồng.

- Chương trình thụ tinh nhân tạo bò: Năm 2020 - 2021 chương trình đã triển khai hỗ trợ: Tinh bò 4.950 liều, ni tơ lỏng 4.950 lít, ống ghen 4.950 cái, găng tay 4.950 cái; số bò cái được phối giống có chửa 2.475 con, số bê sinh ra 2.475 con. Triển khai thực hiện chương trình thụ tinh nhân tạo bò giúp hộ chăn nuôi từng bước cải tạo giống bò địa phương tầm vóc nhỏ bé, năng suất thấp, đưa tỷ lệ đàn bò lai có tầm vóc và tỷ lệ xẻ thịt cao. Đồng thời cải tiến phương thức chăn nuôi bò thịt theo hướng thâm canh, thúc đẩy chăn nuôi phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội; giải quyết thêm việc làm từ chăn nuôi bò, trồng cỏ, dịch vụ kỹ thuật.

Tuy nhiên, qua triển khai thực hiện tỷ lệ bò cái có chửa, bê sinh ra đạt thấp, nguyên nhân do tập quán thả gia súc khá phổ biến đối với một số địa phương, vì vậy khó khăn trong việc phát hiện bò cái động dục để phối giống kịp thời; đặc thù tỉnh Sơn La địa hình phức tạp, vùng cao, vùng sâu, giao thông đi lại khó khăn, kinh tế của nhiều hộ nông dân còn hạn chế, nếu hộ chăn nuôi phải chi trả công phối giống sẽ dẫn đến người chăn nuôi không mặn mà với việc thực hiện phối giống nhân tạo cho đàn bò của gia đình mà sử dụng bò đực địa phương phối nhẩy trực tiếp, dẫn đến chương trình cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn bò dần bị thui chột và không hiệu quả. Việc triển khai chương trình truyền giống nhân tạo bò không có chính sách hỗ trợ công phối giống, nên chưa khuyến khích được các dẫn tinh viên

tham gia chương trình, lý do giá xăng xe tăng cao, giao thông đi lại khó khăn, vất vả. Dẫn tinh viên được đào tạo 49 người, tuy nhiên tại thời điểm báo cáo chỉ còn 17 dẫn tinh viên đang hoạt động.

- Thu hút đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực chăn nuôi: 01 dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư (dự án Mở rộng quy mô Trung tâm giống bò sữa Mộc Châu của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu, quy mô 2.000 con bò sữa, tổng mức đầu tư 150 tỷ đồng); 01 dự án UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (dự án Tổ hợp trang trại sinh thái, bò sữa công nghệ cao Mộc Châu, quy mô 4.000 con bò sữa, tổng mức đầu tư 1.000 tỷ đồng).

1.5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

- Kết quả nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ vào lĩnh vực chăn nuôi: Đề tài: “Nghiên cứu đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của con lai F1 giữa bò BBB và bò Lai Sind trên địa bàn tỉnh Sơn La”. Đề tài đã thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, vật tư, thức ăn để chăm sóc đàn bò cái nền lai Sind được lựa chọn để phối giống, hỗ trợ tinh bò BBB thực hiện các thí nghiệm phối giống. Đã thực hiện phối tinh cho 43 con bò, hiện tại đã đẻ được 08 bê con. Đánh giá bước đầu cho thấy bê con sinh ra đều khỏe mạnh, tăng trưởng nhanh, sau 6 tháng nuôi có trọng lượng trung bình 160 kg/con.

- Ứng dụng công nghệ cao: Chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, chú trọng cải tạo giống và chuyển giao kỹ thuật, mở rộng mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với các hộ gia đình để phát triển chăn nuôi, gắn với mở chợ buôn bán trao đổi đại gia súc, gồm: (1) Ứng dụng công nghệ cấy chuyển phôi giống bò sữa thuần chủng tại Mộc Châu, phối giống nhân tạo cho bò cái có kết quả bằng tinh của giống bò chất lượng cao (Brahman)... (2) Nhà máy chế biến thức ăn cho bò sữa TMR tại Mộc Châu, trang trại chăn nuôi bò sữa tại Mộc Châu, Vân Hồ. (3) Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi (công nghệ khí sinh học, chế phẩm sinh học...) nhằm giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Sử dụng men vi sinh hoạt tính trong ủ, chế biến thức ăn chăn nuôi quy mô hộ gia đình.

1.6. Chuỗi liên kết

- Chăn nuôi bò sữa theo chuỗi liên kết: Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (tổng đàn bò sữa hiện có 28.258 con, 560 hộ chăn nuôi liên kết, sản lượng sữa đạt 97.704 tấn, thị trường tiêu thụ tại các siêu thị lớn trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu, số lao động 3.000 - 4.000 người).

- Chăn nuôi bò thịt theo chuỗi liên kết: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có chuỗi liên kết khép kín đối với chăn nuôi bò thịt. Tuy nhiên, đã hình thành các trang trại chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn tỉnh theo liên kết một số khâu trong liên kết chuỗi.

1.7. Xuất, nhập động vật sản phẩm động vật

Năm 2020 - 2021: Số lượng động vật và sản phẩm động vật xuất ra ngoài tỉnh: Trâu, bò thịt: 51.532 con; trâu bò giống: 258 con; thịt trâu: 260 kg; da bò: 4000 kg. Số lượng động vật và sản phẩm động vật nhập vào địa bàn tỉnh: Trâu, bò thịt: 12.968 con; trâu, bò giống: 628 con; phủ tạng trâu, bò: 183.355 kg.

1.8. Công tác giết mổ đại gia súc, mạng lưới tiêu thụ

- Công tác giết mổ đại gia súc: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở giết mổ đại gia súc tập trung, việc giết mổ chủ yếu ở các điểm nhỏ lẻ tại các hộ gia đình, với phương thức giết mổ thủ công, hiện có 49 cơ sở giết mổ đại gia súc. Kết quả kiểm soát giết mổ đại gia súc được 6.534 con/10.000 con, đạt tỷ lệ 65,34%, tiểu gia súc 91.796 con/120.000 con, đạt tỷ lệ 76,49% so với kế hoạch.

- Mạng lưới tiêu thụ: Sản phẩm chăn nuôi đại gia súc tiêu thụ chủ yếu tại địa phương thông qua các chợ, thương lái đến người tiêu dùng; sữa và các sản phẩm từ sữa được tiêu thụ qua hệ thống siêu thị, các nhà phân phối, các cửa hàng bán lẻ trong và ngoài tỉnh. Một số sản phẩm trâu, bò thịt được chế biến thành hàng hóa như: Thịt trâu, bò khô, thịt nướng, Lạp xưởng, xúc xích.

1.9. Nguồn nhân lực phục vụ công tác chăn nuôi, thú y

- Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thú y gồm: Cấp tỉnh có Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (có 04 phòng chuyên môn: Quản lý dịch bệnh, Quản lý giống và Kỹ thuật chăn nuôi, Quản lý thuốc và Thức ăn chăn nuôi, Thủy sản), số lượng công chức 25 người. 01 trạm kiểm dịch động vật Vân Hồ trực thuộc Chi cục, viên chức 06 người.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế thành phố: Tổng số công chức, viên chức 85 người, trong đó: Công chức, viên chức chuyên ngành thú y hoặc chăn nuôi thú y 10 người (01 Trưởng phòng, 09 chuyên viên).

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp hoặc Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp: Tổng số viên chức: 279 người, trong đó: 77 người có chuyên môn Thú y hoặc Chăn nuôi - Thú y (01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc, 72 viên chức).

- Nhân viên thú y cấp xã 195 người/tổng số 204 xã, phường thị trấn.

2. Thực trạng phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn

2.1. Tổng đàn, cơ cấu đàn và sản phẩm chăn nuôi đại gia súc

- Đàn trâu ở các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn: Năm 2021, số lượng: 88.608 con, bằng 75,02% tổng đàn trâu toàn tỉnh; sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 3.542 tấn, bằng 69,39% sản lượng thịt hơi xuất chuồng của tỉnh. So với cùng kỳ năm 2020 tổng đàn tăng 4,65%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng giảm 1,15%.

- Đàn bò thịt ở các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn: Năm 2021, số lượng: 211.432 con, bằng 61,28% tổng đàn bò của tỉnh; sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 4.521 tấn, bằng 72,29% tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng của tỉnh. So

với cùng kỳ năm trước tổng đàn tăng 8,1%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng 51,18%.

2.2. Hình thức sản xuất chăn nuôi

- Chăn nuôi nông hộ: 90% hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán với các phương thức khác nhau tùy thuộc vào quy mô và loại vật nuôi. Đây là hình thức chăn nuôi có từ lâu đời với mục đích tự cung tự cấp, đặc trưng của phương thức chăn nuôi này là đầu tư vốn và kỹ thuật chăn nuôi thấp, phổ biến đối với trâu bò chăn thả tự do, chuồng giản đơn với nguồn thức ăn tận dụng. Năng suất vật nuôi thấp, sản phẩm hàng hóa và hiệu quả kinh tế không cao; song, phương thức chăn nuôi này lại dễ thực hiện, phù hợp khả năng vốn đầu tư và kinh nghiệm, trình độ chăn nuôi của hầu hết các hộ gia đình nông thôn.

- Chăn nuôi trang trại: Trên địa bàn tỉnh có 309 trang trại (*trong đó bò sữa: 240 trang trại, bò thịt: 69 trang trại*), trong đó có 36 trang trại bò thịt tại các xã khu vực III, bằng 52,2% tổng số trang trại chăn nuôi bò thịt trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tỷ lệ chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung trên địa bàn còn thấp, chủ yếu là chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư.

2.3. Thức ăn chăn nuôi

- Diện tích cây thức ăn ở các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn: Năm 2021, diện tích trồng cỏ 6.631,4 ha, sản lượng 3.171,2 ha, diện tích cây thức ăn khác 642 ha.

- Sử dụng thức ăn công nghiệp được lấy từ các tỉnh. Chưa có nhà máy chế biến thức ăn tinh cung cấp ra thị trường.

2.4. Doanh nghiệp, hợp tác xã

Tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi: 28 tổ chức, bằng 66,7% số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi.

2.5. Sản phẩm chăn nuôi đạt tiêu chuẩn OCOP

Hiện nay có 3 sản phẩm từ thịt trâu, bò đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó có 01 sản phẩm thịt Trâu hun khói tại Trại giống, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã thuộc xã khu vực III đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Tỉnh Sơn La có điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển đàn gia súc quy mô lớn về số lượng, đa dạng về chủng loại theo vùng sinh thái đạt hiệu quả kinh tế cao. Trong những năm qua, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tác động dịch bệnh Covid-19, song với sự nỗ lực, cố gắng, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, cùng với sự giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương, ngành chăn nuôi tỉnh Sơn La đã đạt được thành tựu khá toàn diện cả

về quy mô và chất lượng, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho chăn nuôi, đảm bảo an sinh xã hội, giảm khoảng cách giàu nghèo. Chăn nuôi của tỉnh đã có bước phát triển tích cực: Tổng sản phẩm ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo giá so sánh năm 2021 đạt 3.500,867 tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm 2020, trong đó: Giá trị sản xuất của chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò): 1.011,512 tỷ đồng, bằng 28,9% tổng giá trị sản xuất.

- Các chương trình, dự án khuyến nông chăn nuôi, thú y đạt kết quả tốt, đã góp phần đáp ứng nhu cầu cung cấp con giống tốt, đảm bảo an toàn dịch bệnh được người nông dân đồng tình ủng hộ.

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật ngày càng được nâng cao tay nghề góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và phòng chống dịch bệnh kịp thời.

- Tỉnh đã có cơ chế, chính sách tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển đại gia súc chủ lực và khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ trong chăn nuôi đại gia súc.

- Phát triển chăn nuôi đại gia súc đã tạo công ăn việc làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân. Tận dụng khai thác điều kiện đất đai, phát huy tiềm năng vốn của nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào chăn nuôi đại gia súc.

- Các mô hình trang trại quy mô tập trung, theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp đang từng bước được hình thành, phát triển và bước đầu mang lại hiệu quả. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trong chăn nuôi đại gia súc đã được người dân quan tâm, cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn và vừa cơ bản được đảm bảo, có hệ thống xử lý chất thải bằng bể biogas. Các hộ dân đã tự bỏ vốn đầu tư xây dựng bể biogas, đệm lót sinh học ngày càng phát triển, từng bước giảm thiểu được ô nhiễm môi trường.

2. Khó khăn, hạn chế

- Địa bàn triển khai rộng, chăn nuôi đại gia súc phân tán nhỏ lẻ, địa hình đồi núi phức tạp, giao thông đi lại khó khăn.

- Tình hình thời tiết, khí hậu các năm gần đây có nhiều diễn biến phức tạp rét đậm, rét hại kéo dài, tập quán chăn nuôi đại gia súc thả rông không có chuồng trại đã làm chết nhiều gia súc.

- Khả năng nhân rộng các chương trình, dự án chăn nuôi đại gia súc còn nhiều hạn chế do thói quen sản xuất chăn nuôi đại gia súc theo tập quán cũ và có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học mới vào chăn nuôi.

- Một số hộ chăn nuôi đại gia súc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa tự giác đầu tư thâm canh chăn nuôi đại gia súc, mặt khác đại bộ phận kinh tế của các hộ chăn nuôi đại gia súc còn gặp nhiều khó khăn, vì vậy hiệu quả đầu tư phát triển chăn nuôi đại gia súc chưa cao.

- Chăn nuôi đại gia súc vẫn là quy mô nhỏ, phân tán mang tính tận dụng, chưa tương xứng với tiềm năng về đất đai, khí hậu của tỉnh, chưa mang lại hiệu quả bền vững.

- Chăn nuôi đại gia súc theo hình thức trang trại có xu thế phát triển nhưng số lượng trang trại còn ít. Vốn đầu tư phát triển trang trại chăn nuôi đại gia súc lớn. Trong khi đó khả năng tiếp cận nguồn vốn của trang trại gặp nhiều khó khăn. Số lượng trang trại và hiệu quả kinh doanh tăng nhưng phát triển chưa đều giữa các vùng trong tỉnh.

- Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế, chủ yếu mới ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật sản xuất. Sản phẩm sản xuất ra chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu, hệ thống siêu thị, nhà hàng; tiêu thụ có thời điểm còn gặp khó khăn.

- Phần lớn các chủ trang trại chăn nuôi đại gia súc chưa qua trường lớp đào tạo cơ bản, thường lúng túng trước cơ chế thị trường, việc tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu dựa vào kinh nghiệm.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm thịt đại gia súc được hình thành tự phát, manh mún, sản phẩm thịt được tiêu thụ chủ yếu ở dạng tươi sống và được bày bán ở các chợ, chưa được kiểm soát chặt chẽ về an toàn thực phẩm, giá cả không ổn định. Nguồn thu nhập của người dân thấp, khó chấp nhận sản phẩm thịt với giá thành cao.

3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

- Đàn đại gia súc lớn về số lượng, đa dạng về chủng loại, song chất lượng đàn giống còn nhiều hạn chế, tỷ lệ các giống mới cho năng suất cao còn thấp. Các giống bản địa chưa được chú ý bồi dục chọn lọc, một số giống mới đưa vào địa phương có lúc ồ ạt, thiếu chọn lọc nên hiệu quả trong chăn nuôi đại gia súc chưa được như mong muốn.

- Chưa chú trọng đến khâu cải tạo giống trâu bản địa, nuôi thử nghiệm và nhân rộng giống bò thịt cho chất lượng, hiệu quả cao. Việc chăn nuôi giống bò thịt cho năng suất cao trong các hộ gia đình tỷ lệ còn thấp. Chưa chú trọng đến việc bảo tồn và phát triển một số con giống đại gia súc mang tính đặc sản của tỉnh.

- Đối với trâu vẫn chủ yếu là thả tự nhiên. Đối với đại gia súc chủ yếu vẫn là quy mô hộ, chưa kiểm soát được nguồn thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y phòng dịch để đảm bảo an toàn thực phẩm. Hiện nay các doanh nghiệp kết nối chuỗi giá trị cho sản phẩm của từng loại đại gia súc còn hạn chế.

- Việc xây dựng thương hiệu sản phẩm chăn nuôi đại gia súc còn nhiều hạn chế. Tình hình thiên tai, dịch bệnh (viêm da nổi cục; lở mồm long móng...) diễn biến phức tạp cùng với giá cả thị trường thiếu ổn định, giá cả thức ăn chăn nuôi tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến chăn nuôi đại gia súc.

- Hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đại gia súc mặc dù đã được hình thành nhưng còn manh mún, chưa phát triển bền vững. Hầu hết sản phẩm chăn nuôi đại gia súc được tiêu thụ thông qua thương lái, cho nên có lúc, có nơi còn bị ép cấp, ép giá, gây thua thiệt cho người chăn nuôi đại gia súc.

- Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo phục vụ đắc lực cho chăn nuôi đại gia súc.

- Mối quan hệ giữa người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi đại gia súc chưa chặt chẽ.

- Công tác tuyên truyền, vận động hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật đã từng bước hoàn thiện, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập do đội ngũ cán bộ thú y cơ sở mỏng, kinh nghiệm chưa nhiều, nhiều mô hình chăn nuôi đại gia súc có hiệu quả kinh tế cao chưa được nhân rộng.

- Số lượng dẫn tinh viên hoạt động giảm dần; việc triển khai chương trình không có chính sách hỗ trợ công phối giống, nên chưa khuyến khích được các dẫn tinh viên tham gia, lý do giá cả xăng dầu biến động, giao thông đi lại khó khăn.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC TẠI CÁC XÃ KHU VỰC III VÀ BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2022 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn phải phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm khai thác tốt lợi thế về đất đai, lao động và các giống vật nuôi phù hợp ở các vùng sinh thái; Tập trung phát triển sản phẩm chăn nuôi có lợi thế và khả năng cạnh tranh như: Bò thịt, trâu thịt, các sản phẩm thịt đại gia súc sơ chế, chế biến, sản phẩm chăn nuôi đặc sản của địa phương theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn với quy mô, cơ cấu đàn hợp lý, tạo sự dịch chuyển mang tính bền vững từ phương thức chăn nuôi đại gia súc phân tán, quy mô nhỏ sang phương thức chăn nuôi đại gia súc tập trung với quy mô gia trại, trang trại, công nghiệp; Nâng cao hiệu quả và gia tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đại gia súc; đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm, khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi tạo sinh kế, an sinh và thu nhập cho người dân địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Giá trị sản xuất chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn chiếm 40% tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi; Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2022 - 2025 đạt khoảng 3 - 4%/năm.

- Số lượng đàn Bò lai Zebu và đàn bò thịt chất lượng cao chiếm 10 - 15% tổng đàn bò của cả tỉnh.

- Tỷ trọng sản phẩm hàng hóa chăn nuôi đại gia súc trang trại, gia trại đạt 5 - 10% tổng sản phẩm ngành chăn nuôi.

- Xây dựng phát triển từ 1 - 3 thương hiệu cho sản phẩm chăn nuôi đại gia súc của tỉnh.

- Đến năm 2025 đàn trâu 115.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 4.900 tấn; Đàn bò thịt 291.200 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6.500 tấn.

- Tỷ trọng thịt gia súc được giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung đạt 20% so với tổng sản lượng thịt.

- Tỷ trọng thịt gia súc được sơ chế, chế biến đạt 5 - 10 % so với tổng sản lượng thịt.

- Có ít nhất 01 vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao trở lên và 01 vùng an toàn dịch bệnh trở lên đối với một số bệnh trên địa bàn xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn.

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Phát triển toàn diện chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn ứng dụng công nghệ cao, bao gồm hệ thống các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao và các vùng chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao. Gắn sản xuất với thị trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh, không chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện an sinh xã hội và phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị.

- Tiếp tục hình thành và phát triển 05 vùng nuôi ứng dụng công nghệ cao trở lên, 05 vùng an toàn dịch bệnh trở lên đối với một số bệnh trên địa bàn xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn. Đến năm 2030 đàn trâu 118.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 5.145 tấn; Đàn bò thịt 309.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 7.000 tấn. Xây dựng phát triển từ 5 thương hiệu trở lên cho sản phẩm chăn nuôi đại gia súc của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC

1. Giống

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các cơ sở sản xuất giống đại gia súc đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong chọn, tạo, nhân giống đại gia súc, sản xuất giống đại gia súc mới có năng

suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh thay thế các giống đại gia súc mang lại hiệu quả thấp.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất giống đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Mai Sơn, Sông Mã, Mộc Châu, Thuận Châu.

- Phát triển các giống đại gia súc bản địa, đặc sản; giống đại gia súc lai; giống đại gia súc nhập khẩu có giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học, và dịch bệnh.

- Xây dựng các điểm cung ứng, truyền tinh nhân tạo giống đại gia súc để tăng tỷ lệ giống lai cải tiến, nâng cao số lượng và chất lượng đàn đại gia súc; đào tạo các dẫn tinh viên phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo cho đàn đại gia súc. Nhập mới các giống đại gia súc có năng suất, chất lượng cao để nuôi sinh sản theo hình thức chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các xã, bản trong từng huyện và giữa các huyện trong tỉnh.

- Bổ sung đàn đực giống ngoại có năng suất, chất lượng cao.

- Tiếp tục cải tạo đàn đại gia súc theo hướng chuyên thịt. Áp dụng rộng rãi biện pháp thụ tinh nhân tạo.

- Tăng cường áp lực chọn lọc giống đại gia súc.

- Đào tạo mới để tăng số lượng dẫn tinh viên gắn với chính sách hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi đại gia súc.

2. Vùng chăn nuôi đại gia súc

- Phát triển đàn đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 gồm: Đàn trâu: 115.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 4.900 tấn. Đàn bò thịt: 291.200 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 6.500 tấn.

- Hình thành và phát triển 05 vùng chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao tại các huyện Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu, Bắc Yên, Mai Sơn.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình chăn nuôi đại gia súc mới đáp ứng các yêu cầu thị trường như: Mô hình chăn nuôi đại gia súc hữu cơ, chăn nuôi đại gia súc tuần hoàn, chăn nuôi đại gia súc thông minh, chăn nuôi đại gia súc kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), chăn nuôi đại gia súc kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

3. Phát triển các hình thức chăn nuôi đại gia súc

3.1. Chăn nuôi đại gia súc tập trung công nghiệp

- Phát triển các khu, cơ sở chăn nuôi đại gia súc công nghiệp tập trung phải gắn với các cơ sở cung cấp giống, cơ sở thức ăn, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra theo chuỗi liên kết khép kín, theo hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm chăn nuôi.

- Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung, quy mô lớn có chuồng trại, gắn với trồng cỏ, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh đáp ứng yêu cầu chất lượng an toàn thực phẩm cho tiêu dùng; chủ yếu ở các huyện có đất đai rộng, điều kiện giao thông đi lại thuận lợi như: Thuận Châu, Sông Mã, Phù Yên, Vân Hồ, Mai Sơn, Mộc Châu ...

3.2. Phát triển chăn nuôi trâu, bò trang trại tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn các huyện.

3.3. Chăn nuôi đại gia súc gia trại

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ có điều kiện phát triển theo hướng gia trại, có quy mô nuôi đại gia súc từ 10 con trở lên. Hạn chế hình thức nuôi phân tán, tận dụng, chuyển sang chăn nuôi thâm canh, bán công nghiệp để đảm bảo dễ dàng áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và kiểm soát dịch bệnh. Phương thức chăn nuôi theo hình thức gia trại đạt 30 - 40% với quy mô từ 30 - 300 con đại gia súc có mặt thường xuyên, hoàn toàn sử dụng thức ăn công nghiệp.

3.4. Chăn nuôi đại gia súc nông hộ

Xây dựng phát triển mô hình chăn nuôi đại gia súc kết hợp với phát triển cây nông nghiệp ngắn ngày và cây lâm nghiệp (mô hình nông - lâm kết hợp) theo hướng hàng hóa, tận dụng chăn nuôi đại gia súc phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện cụ thể của từng vùng sinh thái của các xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn.

4. Vùng sản xuất thức ăn chăn nuôi đại gia súc

4.1. Cơ sở, nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi đại gia súc

- Hình thành các nhà máy, cơ sở sản xuất hoặc chế biến thức ăn chăn nuôi đại gia súc tại các huyện Sông Mã, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Mộc Châu để đáp ứng cơ bản nhu cầu thức ăn chăn nuôi đại gia súc công nghiệp trên địa bàn xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn. Phát triển mạng lưới đại lý cung ứng hoặc dịch vụ cung ứng thức ăn chăn nuôi đại gia súc; phát triển liên kết giữa cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi - đến thẳng trang trại chăn nuôi đại gia súc, liên kết với cơ sở hoặc doanh nghiệp giết mổ, tiêu thụ thực phẩm theo chuỗi giá trị.

- Phát triển các nhà máy, cơ sở sản xuất hoặc chế biến thức ăn chăn nuôi đại gia súc tại các huyện Sông Mã, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Mộc Châu.

- Khuyến khích hình thành, phát triển mạng lưới các đại lý cung ứng thức ăn chăn nuôi trên địa bàn: Mỗi huyện đặt 01 đại lý cấp I và mỗi xã đặt 01 đại lý cấp II hoặc dịch vụ cung ứng thức ăn chăn nuôi.

4.2. Vùng thức ăn xanh phục vụ chăn nuôi đại gia súc

- Chủ động thức ăn xanh quanh năm cho đàn đại gia súc; phát triển các đồng cỏ tập trung với các giống cỏ cho năng suất cao; cải tạo đồng cỏ tự nhiên và phát triển trồng cỏ, các loại cây làm thức ăn cho chăn nuôi đại gia súc theo hộ gia đình để chủ động nguồn thức ăn cho gia súc. Chuyển diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, ngô và một số loại cây trồng khác phục vụ chăn nuôi đại gia súc.

- Duy trì, phát triển 15.000 ha cỏ các loại, trên 5.000 ha cây ngô sinh khối phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc.

5. Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ chăn nuôi đại gia súc

- Phát triển mạng lưới các loại hình dịch vụ thú y, nâng cao hiệu quả dịch vụ thú y tại cơ sở, khuyến khích xã hội hóa hoạt động thú y.

- Tiến hành xây dựng mạng lưới các loại hình dịch vụ thú y các cấp, đảm bảo có đủ cán bộ thú y chuyên trách (có trang bị tủ thuốc thú y) thực hiện việc tiêm phòng, chữa trị cho đại gia súc kịp thời.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi đại gia súc theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm tổ chức, cá nhân chăn nuôi đại gia súc có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi đại gia súc an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi đại gia súc cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái. Phát triển các tổ khuyến nông cộng đồng gắn với chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi đại gia súc, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi đại gia súc.

6. Bố trí cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển chăn nuôi đại gia súc

- Cứng hóa hệ thống giao thông tại các vùng chăn nuôi đại gia súc tập trung bảo đảm cho các phương tiện đi lại thuận tiện trong 4 mùa. Phát triển hệ thống lưới điện an toàn phục vụ cho sản xuất (nuôi nhốt đại gia súc), cơ sở giết mổ, kho lạnh bảo quản sản phẩm. Hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại, internet) thông suốt, tại các vùng chăn nuôi đại gia súc tập trung, quy mô lớn. Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi; đảm bảo đủ nguồn nước tưới cho các vùng nguyên liệu (trồng cỏ, ngô...), nước phục vụ cho chăn nuôi đại gia súc (nước uống gia súc, gia cầm, vệ sinh chuồng trại...); các công trình cấp nước cho khu giết mổ tập trung đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Phát triển công nghệ chuồng trại hiện đại phù hợp với từng loại vật nuôi đại gia súc và loại hình chăn nuôi đại gia súc đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển vật nuôi và bảo vệ môi trường.

- Phát triển các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, chế biến chế phẩm nuôi trồng thủy sản... góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

7. Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc

- Gắn kết việc quảng bá các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc với các chương trình xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm; xây dựng các mô hình chăn nuôi đại gia súc theo chuỗi giá trị, phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại.

- Thực hiện xây dựng các mô hình sản xuất ngành hàng, sản phẩm chăn nuôi đại gia súc theo các chuỗi giá trị theo các vùng chăn nuôi tập trung, nhóm sản phẩm tạo mối liên kết gắn kết các khâu từ sản xuất chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Hình thành các mối liên kết trong tổ chức sản xuất của từng khâu, từng yếu tố đầu vào để phát huy vai trò của các doanh nghiệp, trang trại, hộ.

- Tổ chức liên kết theo chuỗi sản phẩm từ khâu sản xuất đến thị trường, trong đó các doanh nghiệp đóng vai trò làm trung tâm để liên kết với các tổ chức sản xuất như liên kết tổ hợp tác, Hội, Hiệp hội ngành hàng; chú trọng việc xây dựng các thương hiệu.

- Khuyến khích phát triển các cửa hàng chuyên bán thực phẩm (thịt tươi sống, đông lạnh và thực phẩm chế biến) phục vụ cho tiêu dùng tại thị trấn, các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Hình thành và phát triển các chợ bán thịt đại gia súc tươi sống; nâng cấp các chợ hiện có, đặc biệt là nâng cấp khu vực bán buôn thực phẩm, kiên quyết giải tán các chợ tự phát và những nơi buôn bán thịt đại gia súc không theo quy hoạch, không đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường theo quy định.

- Tổ chức các cuộc hội thảo, diễn đàn chuyên sâu về định hướng, giải pháp phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng nâng cao hiệu quả, sản xuất bền vững và xuất khẩu.

8. Cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm từ đại gia súc

- Xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm từ đại gia súc có quy mô phù hợp tiên tiến gắn với vùng sản xuất chăn nuôi đại gia súc hàng hóa và đa dạng hoá các mặt hàng thực phẩm chế biến đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Đối với cơ sở chế biến nhỏ, thủ công áp dụng quy trình, thiết bị chế biến, đảm bảo an toàn thực phẩm và đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giết mổ đại gia súc trên địa bàn các huyện: Mường La, Mai Sơn, Thuận Châu, Sông Mã, Phù Yên; Xoá bỏ hoàn toàn các điểm giết mổ nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường và lây lan dịch bệnh; Xây dựng các nhà máy hoặc cơ sở chế biến các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn huyện Mai Sơn, Mộc Châu, Thuận Châu, Mường La, Sông Mã.

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP làm từ thịt đại gia súc theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm như các sản phẩm thịt tươi sống; thịt sấy khô; đồ hộp ...

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Giải pháp về đất đai

- Tổ chức thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đất phục vụ chăn nuôi đại gia súc theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Rà soát, cân đối quỹ đất để xem xét đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở giết mổ, chế biến thức ăn chăn nuôi đại gia súc và các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn nhằm đảm bảo yêu cầu giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn dịch bệnh và nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Tạo điều kiện thuận lợi về giao đất, thuê đất theo quy định đối với các dự án đầu tư chăn nuôi đại gia súc theo hình thức trang trại, tập trung công nghiệp; dự án đầu tư giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp; dự án đầu tư chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao tại xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn.

2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung tâm trong việc nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi đại gia súc cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học vào lĩnh vực giống vật nuôi đại gia súc, thức ăn chăn nuôi đại gia súc, thuốc thú y, sản xuất vắc xin, nhận dạng, truy xuất động vật, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường chăn nuôi.

- Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi đại gia súc: Ứng dụng công nghệ phối giống nhân tạo cho bò cái có kết quả bằng tinh của giống bò chất lượng cao; Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi (công nghệ khí sinh học, chế phẩm sinh học...) nhằm giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Sử dụng men vi sinh hoạt tính trong ủ, chế biến thức ăn chăn nuôi quy mô hộ gia đình.

- Chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ trong chăn nuôi đại gia súc thông qua hệ thống khuyến nông, thú y cơ sở, gồm:

+ Công tác giống: Tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình cải tạo đàn đại gia súc địa phương.

Giống trâu, lựa chọn những con giống địa phương có tầm vóc lớn, phẩm chất tốt trong đàn hoặc thực hiện đảo đực giống giữa các vùng, các địa phương để tránh nguy cơ cận huyết, cho phối giống tự nhiên để nâng cao tầm vóc, năng suất. Triển khai chương trình thụ tinh nhân tạo trên đàn trâu nền của tỉnh; Tập trung chủ yếu tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn thuộc các huyện: Phù Yên, Yên Châu, Sông Mã, Sốp Cộp, Mộc Châu, Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu.

Giống bò: Tiếp tục chương trình cải tạo nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hóa trên cơ sở phát triển nhanh mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng bò đực giống tốt đã qua chọn lọc cho nhân giống ở những nơi chưa có điều kiện triển khai biện pháp thụ tinh nhân tạo, mua đực giống tốt từ các tỉnh khác cho phối giống tự nhiên trong đàn để nâng cao tầm vóc, năng suất đàn vật nuôi địa phương. Chọn lọc những bò cái nền đạt tiêu chuẩn để phối giống tinh bò thịt chất lượng cao; bảo tồn và phát triển giống bò địa phương có giá trị; Tập trung tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn thuộc các huyện: Mộc Châu, Mai Sơn, Bắc Yên, Mường La, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp. Đẩy mạnh mạng lưới thụ tinh nhân tạo bò tại các huyện, đảm bảo đội ngũ cán bộ có chuyên môn tay nghề và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Khuyến khích trang trại, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất giống đại gia súc chất lượng tốt, chủ động nguồn giống phục vụ nhu cầu chăn nuôi của tỉnh.

+ Thức ăn chăn nuôi: Bố trí đồng cỏ, diện tích đất trồng cây thức ăn; hướng dẫn người chăn nuôi sử dụng các giống cỏ mới năng suất chất lượng cao; Vận động nhân dân chuyển diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, ngô và một số loại cây trồng khác phục vụ chăn nuôi đại gia súc. Chủ động nguồn thức ăn thô xanh, phụ phẩm ngành trồng trọt để phát triển chăn nuôi đại gia súc, tận dụng tối đa các diện tích đất để trồng cỏ thâm canh; Tăng cường chuyển giao kỹ thuật cho hộ chăn nuôi cách chế biến, bảo quản dự trữ thức ăn cho đại gia súc như: Kỹ thuật phối trộn thức ăn công nghiệp, ủ chua, ủ rom ure, đóng bánh, phơi khô thức ăn... Trồng các giống cỏ có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện vùng sinh thái, các giống cỏ chịu rét, chịu hạn. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất cây thức ăn thô xanh và chế biến, bảo quản các loại phụ phẩm nông, công nghiệp cho đại gia súc, đảm bảo đủ nguồn thức ăn dự trữ vào mùa đông.

Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ, ngô dày, lúa chín sấp... kết hợp công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp (TMR) để chăn nuôi và vỗ béo các loại gia súc ăn cỏ. Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu nâng cao giá trị dinh dưỡng, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi hữu cơ, liên kết cung ứng thức ăn chăn nuôi với người chăn nuôi.

+ Quy trình sản xuất: Áp dụng quy trình sản xuất GMP, HACCP đối với các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, các cơ sở chăn nuôi, giết mổ và chế biến; Áp dụng quy trình thực hành tốt trong chăn nuôi.

Thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi đại gia súc, hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi đại gia súc theo mô hình chăn nuôi khép kín

theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ... Tiếp tục củng cố, phát triển các hình thức liên kết chăn nuôi giữa các doanh nghiệp và trang trại, giữa các hộ chăn nuôi trong mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã. Tuyên truyền, vận động nông dân tự nguyện tham gia các hình thức hợp tác liên kết trong sản xuất chăn nuôi đại gia súc. Hình thành mối liên kết nông nghiệp và dịch vụ trên địa bàn nông thôn, thông qua mô hình hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho nông dân. Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc, chế biến các phụ phẩm nông nghiệp sẵn có tại địa phương.

+ Xã hội hoá hoạt động dịch vụ khoa học, kỹ thuật trong chăn nuôi, thú y theo hướng huy động các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi.

- Xây dựng các mô hình chăn nuôi đại gia súc theo hình thức gia trại, trang trại có hiệu quả, bền vững, an toàn sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và phù hợp với điều kiện của địa phương. Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

- Xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình chăn nuôi đại gia súc mới, bền vững gắn với du lịch; bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; chăn nuôi đại gia súc theo chuỗi giá trị khép kín; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chăn nuôi đại gia súc sạch, hữu cơ, sinh thái gắn với xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và phù hợp với điều kiện của địa phương.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Trung ương và của tỉnh ban hành; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã về thủ tục cấp phép đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư trang trại chăn nuôi đại gia súc tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường thu hút các thành phần kinh tế đầu tư, nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức hợp tác công tư, đối tác công tư để tập trung phát triển cơ sở hạ tầng cho chăn nuôi đại gia súc.

- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025, trọng tâm là các chính sách hỗ trợ về: (1) Mua đực giống, cái giống vật nuôi, phối giống nhân tạo; (2) phát triển hình thức liên kết giữa các hợp tác xã, doanh nghiệp với các hộ dân, để cải thiện giống bò cái nền tại các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; (3) Xây dựng vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gồm: cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giống cây trồng làm thức ăn chăn nuôi gồm: ngô lấy hạt, ngô sinh khối, sắn, cỏ, cao lương...; (4) Nâng cấp đường giao thông, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước, hoặc trang thiết bị phục vụ chăn nuôi; (5) Xử lý chất thải trong chăn nuôi; (6) Xây dựng thương hiệu

và xúc tiến thương mại để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; (7) Nâng cao năng lực hệ thống thú y, khuyến nông cơ sở đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ phát triển chăn nuôi; (8) Chính sách hỗ trợ tín dụng ...

4. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật: Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch triển khai các giải pháp phòng chống bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Kết hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người chăn nuôi triển khai xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

- Phát triển công nghệ chuồng trại hiện đại phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển vật nuôi và bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở chăn nuôi phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước và đất đai trước khi đi vào hoạt động. Phát triển công nghệ chuồng trại hiện đại phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển vật nuôi và bảo vệ môi trường. Áp dụng các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, chế biến chế phẩm nuôi trồng thủy sản... góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

- + Đối với chăn nuôi đại gia súc nông hộ: Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong quá trình chăn nuôi, hộ chăn nuôi phải có biện pháp xử lý chất thải, nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo vệ môi trường chăn nuôi như sử dụng đệm lót sinh học, bể biogas...; định kỳ khử trùng tiêu độc chuồng trại và môi trường xung quanh ... Khắc phục tình trạng thả rông gia súc, chuyển sang nuôi nhốt, bán chăn thả và gắn với vệ sinh chuồng trại.

- + Đối với chăn nuôi trang trại đại gia súc: Yêu cầu phải đảm bảo điều kiện về chăn nuôi trang trại theo quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi; QCVN 01-39:2011 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi; QCVN 01-79:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc gia cầm - Quy trình kiểm tra đánh giá điều kiện vệ sinh thú y; QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- + Đối với cơ sở giết mổ gia súc: Vị trí địa điểm hoạt động phải đảm bảo quy định của pháp luật, chất thải phát sinh từ hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm phải được xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Nghiêm cấm xả thải trực tiếp chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đảm bảo ra môi trường.

- Khắc phục tình trạng thả rông gia súc, chuyển sang nuôi nhốt, bán chăn thả và gắn với vệ sinh chuồng trại. Tiến hành di dời các cơ sở chăn nuôi và lò mổ gia súc không đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường ra khỏi khu dân cư. Tiếp tục hướng

dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động chăn nuôi, chế biến sản phẩm chăn nuôi thực hiện các thủ tục về điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

- Kiểm tra, xử phạt khi phát hiện các vi phạm gây ô nhiễm môi trường đối với những hộ, trang trại chăn nuôi, các cơ sở giết mổ đại gia súc theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Giải pháp về xây dựng và hình thành chuỗi giá trị

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển chăn nuôi đại gia súc dựa trên sự tự nguyện, tự cung cấp cả dịch vụ đầu vào và đầu ra; Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao.

- Hình thành và phát triển các chuỗi gia công giữa doanh nghiệp với hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi đại gia súc theo quy trình sản xuất sạch, hữu cơ, sinh thái gắn với việc xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm chăn nuôi đại gia súc có lợi thế cạnh tranh.

- Duy trì sản phẩm thịt Trâu hun khói đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao; phát triển các sản phẩm chăn nuôi OCOP như thịt bò hun khói, lạp xưởng, xúc xích ...

6. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chăn nuôi, thú y và khuyến nông

- Củng cố, tăng cường năng lực hệ thống thú y các cấp đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh động vật. Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật chăn nuôi, thú y để có khả năng tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ mới, đặc biệt công nghệ sinh học hiện đại trong các lĩnh vực giống, dinh dưỡng, thú y, công nghệ chế biến và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh về công tác phòng, chống dịch bệnh và mô hình chăn nuôi trang trại điển hình nhằm tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm và chọn lựa mô hình chăn nuôi phù hợp với địa phương.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

- Từng bước xã hội hóa công tác khuyến nông chăn nuôi đại gia súc có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và thông qua các tổ chức chính trị - xã hội. Hình thành và phát triển các tổ khuyến nông cộng đồng.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước, cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

7. Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra

- Xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm. Triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh nhằm chuyển đổi dần từ hình thức giết mổ phân tán, nhỏ lẻ hiện nay sang giết mổ bán công nghiệp và công nghiệp, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động giết mổ nhằm đảm bảo quy định vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc, giữ vững các thị trường lớn, truyền thống (xuất ra ngoài tỉnh về Hà Nội, Phú Thọ...) và mở rộng các thị trường mới nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đại gia súc.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách theo yêu cầu của thị trường.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đại gia súc với người sản xuất, tạo nguồn hàng ổn định cho chế biến và xuất khẩu.

- Phối hợp với cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn các đối tượng buôn bán, vận chuyển đại gia súc không rõ nguồn gốc, sản phẩm động vật không đảm bảo chất lượng tiêu thụ trên địa bàn để bảo vệ uy tín về chất lượng sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất chăn nuôi trung thực trong tỉnh. Xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm theo quy định của pháp luật.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN

1. Dự án phát triển chăn nuôi đại gia súc (bò thịt, trâu thịt) tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

2. Dự án xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi đại gia súc.

3. Dự án xây dựng các khu giết mổ đại gia súc tập trung trên địa bàn tỉnh.

4. Dự án phát triển vùng nguyên liệu phục vụ chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn tỉnh.

5. Chương trình phát triển các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc đặc sản của tỉnh.

6. Chương trình phát triển sản xuất sản phẩm chăn nuôi đại gia súc không sử dụng thuốc kháng sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Dự án xây dựng các trung tâm khảo nghiệm và cung cấp giống vật nuôi đại gia súc nhập ngoại chất lượng cao tại Sơn La.

8. Dự án quản lý và phát triển các giống đại gia súc địa phương có nguồn gen quý.

9. Chương trình phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo.

10. Chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước về chăn nuôi đại gia súc, thú y.

11. Chương trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi đại gia súc.

12. Chương trình, dự án phát triển chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao; vùng chăn nuôi đại gia súc ứng dụng công nghệ cao.

13. Chương trình, dự án xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh; vùng an toàn dịch bệnh đại gia súc; phòng chống dịch bệnh cho đại gia súc trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án: 600 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số): 60 tỷ đồng; Nguồn vốn hợp pháp khác (doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân, ODA, phi chính phủ...): 540 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách Nhà nước

Vốn ngân sách tỉnh, huyện phân cấp thực hiện Chính sách hỗ trợ chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn; Vốn ngân sách tỉnh triển khai thực hiện Chương trình khuyến nông; Vốn ngân sách Trung ương triển khai các chính sách hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình khác. Tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng trại giống, nâng cấp trạm chẩn đoán xét nghiệm, củng cố hệ thống thú y, mạng lưới thụ tinh nhân tạo, khuyến nông và hỗ trợ lãi suất vốn tín dụng mua trâu, bò giống, xây dựng đồng cỏ, làm chuồng trại ...

2. Vốn tín dụng

Cho người chăn nuôi vay với lãi suất ưu đãi để mua giống, trang thiết bị, xây dựng đồng cỏ, chuồng trại....

3. Vốn từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác./.